

MỘT SỐ TỪ NGỮ DÙNG ĐỂ TẢ NGƯỜI**- Để tả HÌNH DÁNG, THÂN HÌNH có thể dùng:**

- Cao – lùn – gầy gò – ốm yếu – nhỏ nhỏ – tầm thước – xương xương – choai choai – mảnh khảnh – dong dong – thon – roi – béo phệ – mập mập – lực lưỡng – vạm vỡ – cục mịch – rắn rỏi – trẻ măng – cường tráng – cân đối – gọn gàng – mập phù – gầy guộc – vàng vồ – bệnh hoạn.
- Em bé: sỗ sữa, bụ bẫm, mập ú, tròn trĩnh, trắng như cục bột, ...
- Phụ nữ: mảnh mai (dè), yếu điệu, uốn éo, dịu dàng, bệ phệ
- Người già, người lao động khổ sở: cằn cỗi, tiều tụy, bơ phờ, uể oải.

- Để tả DIỆN MAO, KHUÔN MẶT có thể dùng:

Tròn trĩnh (trịa) – vuông vắn – bầu bĩnh – thon thon – dài – trái xoan – đầy đặn – gân guốc – sáng sủa – khôi ngô – đầy vết sẹo – xấu xí – rỗ như tổ ong – rỗ hoa – hồng hào – trắng trẻo – đen sạm – rám nắng – xanh xao – tái mét – tươi tỉnh – niêm nở – hớn hờ – ủ rũ – cau có – nhăn nheo – hốc hác – bơ phờ – hung tợn – hiền hậu – dễ thương – nghiêm trang – đạo mạo – thơ ngây – thản nhiên – thông minh – đàn độn – khờ khạo – lầm lì – là lạ – quen thuộc – khả ái...

- Để tả DA có thể dùng:

Nhăn nheo (nhíu) – căn phòng – mỏng tẻng – chai cứng – nứt nẻ – đầy ghẻ lở – nhiều vết sẹo – hồng hào – đỏ thắm – mốt thích – đen sạm – bánh mật – ngăm ngăm – ngăm đen – sần sùi – tái mét – xanh xao – xanh lét – xanh như tàu lá – bạc lãng – trắng ngà – trắng nõn – nõn nà – mịn màng...

- Để tả MỒ HÔI có thể dùng:

Rướm – toát – đỏ lôm đôm – lấm tẩm – nhễ nhại – nhỏ giọt – ướt sũng – lăn tăn dòng – chảy ròng ròng – nhầy nhụa, ...

- Để tả ĐẦU có thể dùng:

Tròn – gập – vồ – to – nhỏ – sói – hói – có sẹo, ...

- Để tả TRÁN có thể dùng:

Rộng – hẹp – gò – cao – thấp – vuông – nhăn nheo, ...

- Để tả TÓC, RÂU, LÔNG MÀY, LÔNG MI có thể dùng:

Cứng – mềm – mượt – rậm sưa – thưa thưa – lơ thơ – ngắn – dài – lượt thướt – lún phún – lờm chờm – đen mượt – suôn đuột – quăn – vàng hoe – xồm xoàm – **Tóc:** chải chuốt – gọn gàng – bù xù – bay phờ phạc – xõa tới bờ vai – dài tới gáy – hớt ngắn sát da đầu – rối như bụi nhùi – bạc phơ – lôm đôm bạc – bạc hoa râm, ...

- Để tả MẮT có thể dùng:

Tròn vo – xệch – bồ câu – có quầng – lồi – híp – trao tráo – đen huyền – đen láy – trong vắt – long lanh – u buồn – trắng đục – đỏ ngầu (lom, boc, gay) – chột, ...

- Để tả MŨI có thể dùng:

To – nhỏ – tẹt – xẹp – dọc dừa – thấp – cao – hẹp – vênh – nhô – hình – héch – gò – thon – đỏ hồng.

- Để tả MÁ có thể dùng:

Cao – cốp – hóp – tốp – bầu – phúng phính – lúm đồng tiền – nhô xương xẩu – hồng – ửng hồng.

- Để tả MIÈNG có thể dùng:

Móm – rộng – nhỏ – nho nhỏ.

- Để tả MÔI có thể dùng:

Dày – mỏng dính – nứt nẻ – đỏ thắm – đỏ như son – hồng tươi – nhợt nhạt – thâm đen – xám ngắt, ...

- Để tả RĂNG có thể dùng:

Hô – sùn – lòi xỉ – đều đặn – nhỏ nhắn – san sát – trắng nõn (bóng) – trắng như tráng men sứ – vàng khè – lung lay – xiêu vẹo, ...

- Để tả CÀM có thể dùng:

Chìa ra – nhô ra trước mặt – nhọn – vuông – lồi – lún phún râu – lòng thòng một chòm râu – lơ phơ mấy sợi râu, ...

- Để tả CỔ có thể dùng:

Lùn – cao – no tròn – đầy đặn – tong teo, ...

- Để tả VAI có thể dùng:

Ngang – xệ – hõm vào – nở nang – hẹp – co ro, ...

- Đề tả NGỰC có thể dùng:

Lép xẹp – hõm vào – nở nang – lòi xương sườn ...

- Đề tả BUNG có thể dùng:

Thon - phệ - bình rĩnh đầy những mỡ - thóp vào...

- Đề tả LỤNG có thể dùng:

Còng - gù - khom - thẳng - dài...

- Đề tả TAY CHÂN có thể dùng:

Xinh xắn - mềm mại - dịu dàng - mũm mĩm - bụ mẫm - no tròn - tròn trĩnh - phốp phác - vạm vỡ - lực lưỡng - dẻo dai - rắn chắc - thô kệch - cục mịch - nhỏ nhắn - bé bỏng - khẳng khiu - tong teo - mảnh khảnh - gân - guộc - ngắn ngủi - yếu ớt - què quặt - tàn tật - trắng trẻo (nõn, hồng, muốt...) - đen ngùi (sạm, ngăm) - mốc thích...

Bàn tay: búp măng - chai cứng - nứt nẻ - nổi đầy gân...

Ngón tay: Ngòi viết - đui đục - thon thon - lù lù...

- Đề tả CÁCH ĂN MẶC, QUẦN ÁO (Y PHỤC) có thể dùng:

Chỉnh tề - tươm tât - kín đáo - hở hang - gọn gàng - tha thướt - sạch sẽ - lành lặn - diêm dúa - loè loẹt - ngộ nghĩnh - dơ dáy - xóc xếch - lụng thụng - luộm thuộm - rách rưới - bỏ sát mình - giản dị - đơn sơ - kiêu cách...

- Đề tả ĐIỀU BỐ có thể dùng:

Đường hoàng - chững chạc - chậm rãi (chạp) - khoan thai - háp tấp - nhanh nhẹn - láu táu - nghiêm trang (nghi) - lý lắc - hí hửng - tháo vát - uể oải - mệt nhọc - thờ thẩn - hăng hái (say) - bền lễn - ngưng nghịu - lúng lúng - bờ ngỡ - lính quính - bình thân - tự nhiên - duyên dáng - hùng dũng...

- Đề tả TIẾNG NÓI, KÊU, LA có thể dùng:

Ồ ề - the the - chát chúa - êm dịu - khàn khàn - lè nhè - trong trẻo - éo éo - oang oang - ồn ào - khao khao - lào xào - ngân nga - rồn rảng - lạnh lạnh - sang sảng - rôi rít - nheo nhèo - âm ỉ...

- Đề tả CỬ CHỈ, HÀNH VI có thể dùng

NHÌN: dăm dăm - chăm chú - chòng chọc - dáo dác - ngơ ngác - lừ đừ - triu mến - hần học - đăm đỏi - lim dim - mơ màng - tình tứ...

NÓI: Thì thầm (thào) - xì xào - rì rầm - lảm bảm - bập bẹ - ám cúng - duyên duyên - huyền hoang - lảm nhảm - lải nhải - cần rần - cầu nhàu - chững chạc - liến thoắng - hài hước - pha trò - tía lia - hần học - khấn khoản - vồn vã - niền nở - ngọt ngào - cộc lốc - khiêm tốn - lễ độ - thô bỉ - bông đùa - chọc ghẹo - ngân dài - gằn từng tiếng ...

CƯỜI: ngật - mỉm - rộ - xoà - Khanh khách - ha hả - khúc khích - hề hề - hi hí - sảng sặc - nôn ruột - gion giã - chum chim - tùm tùm - toe toét - duyên dáng.

KHÓC: oà - mếu máo - sụt sùi - nghẹn ngào - nức nở - rung rức - sụt sùi - hu hu - thút thít - nước mắt đầm đìa ...

NĂM: sòng soài (sượt) - co ro - chễm chệ ...

ĐỨNG: tần ngần - im như pho tượng - sững - khoan thai ...

NGỒI: chễm chệ - co ro - ủ rũ - bó gối - khoan thai - xếp bằng tròn - thù lù ...

ĐI: chững chạc - khoan thai - háp tấp - lão đảo - loang choang - chập chững - rầm rập - rảo bước - lang thang ...

CHẠY: cuồng cuồng - tung tăng - loạn xạ - tán loạn - lon ton - quanh quẩn - tất tưởi (tả) - vùn vụt - ào ào ...

LÀM VIỆC: hí hoáy - hí hục - loay hoay - cặm cụi - say sưa - mải miết - xoay xở - hăng say - hăm hở - thông thả - háp tấp - thành thạo - vụn vè - tất cả ...

(1) - Đề tả TÍNH HÌNH có thể dùng:

Khoác lác - ba hoa - trầm tĩnh - láu táu - cau có - nghiêm nghị - đứng đắn - chững chạc - dè dặt - thật thà - bạo dạn - khát khe - lười nhác - xảo nguyệt - tham lam - siêng năng - hiền hậu - ôn hoà - vui vẻ - vị tha - ít nói - thận trọng - cầu thả - hời hợt - nhút nhát - lỗ mãng - thô bỉ ...

Dàn ý chi tiết- tả người**Đề 1: Tả hình dáng và tính tình thầy giáo đã dạy em mà em kính yêu nhất****Dàn bài chi tiết****I. Mở bài:** Giới thiệu thầy giáo của em

- Em không thể nào quên được hình ảnh người thầy...
- Thầy đã tận tụy dạy em trong suốt năm học lớp Bốn.

II. Thân bài:**1. Tả ngoại hình:**

- Thầy đã gần bốn mươi tuổi.
- Dáng người cao, hơi gầy, vẻ hoạt bát.
- Nước da ngăm ngăm khoẻ mạnh.
- Thầy thường ăn mặc gọn gàng, lịch sự với chiếc áo sơ mi và quần tây giản dị

Tả chi tiết hình dáng:

- Tóc thầy rậm, cứng, hớt cao vừa phải.
- Khuôn mặt chữ điền có vẻ đẹp riêng đáng mến.
- Vàng trán cao đã có nếp nhăn, biểu hiện vẻ thông minh và từng trải.
- Đôi mắt to sáng, có lúc nghiêm khắc, có lúc hiền từ.
- Mũi cao, rất hợp với khuôn mặt.
- Miệng thầy hơi rộng, hay cười để lộ hàm răng trắng đều.
- Giọng nói của thầy to và rõ.

2. Tả tính tình:

- Thầy giáo em rất hiền, sống mực thước.
- Thầy giảng dạy tận tình và chu đáo. Thầy thường đặt câu hỏi giúp cho chúng em phát biểu tìm hiểu bài. Thầy hướng dẫn cho chúng em viết từng nét chữ. Thầy còn kể chuyện, đọc thơ rất hay.
- Thầy rất yêu thương học trò, hiền nhưng nghiêm khắc, không thiên vị.
- Thầy luôn hết lòng giúp đỡ các thầy cô đồng nghiệp cùng dạy tốt.
- Thầy là một giáo viên gương mẫu nên được tất cả học sinh yêu mến.

III. Kết luận:

- Không còn học với thầy nữa nhưng em luôn kính trọng và biết ơn thầy.
- Em hứa sẽ cố gắng học tốt để xứng đáng là trò giỏi của thầy.

Đề 2: Hằng ngày đến trường em đều gặp cô (thầy) hiệu trưởng. Em hãy tả hình dáng, tính tình cô (thầy) Hiệu trưởng của em.**I. Mở bài:** Giới thiệu cô (thầy) Hiệu trưởng.

- Mỗi ngày đi học em đều thấy cô (thầy) Hiệu trưởng ở trường.

II. Thân bài:**1. Tả ngoại hình:**

- Cô (thầy) Hiệu trưởng năm nay khoảng 40 tuổi.
- Vóc người đầy đặn, người tầm thước.
- Nước da của cô trắng hồng (Nước da thầy ngăm ngăm khoẻ mạnh).
- Cô thường mặc áo dài tha thướt (Thầy mặc quần tây áo sơ mi trông rất lịch sự).
- Mái tóc đen cắt phủ ngang vai (Tóc thầy rậm, cứng, hớt cao vừa phải).
- Vàng trán cao ẩn chứa vẻ thông minh.
- Đôi mắt cô (thầy) to, đen sáng, luôn mang cặp kính trông rất tri thức.
- Mũi cao cân xứng với khuôn mặt.

- Trên miệng luôn nở nụ cười tươi.
- Hai hàm răng trắng, đều như hai hạt bắp.
- Giọng nói cô (thầy) ấm, sang sảng, ngân vang.
- Cô (thầy) rất nhanh nhẹn, cần mẫn trong khi làm việc.

2. **Tả tính tình:**

- Cô (thầy) thân tình, cởi mở, cương nghị.
- Cô (thầy) luôn quan tâm đến các hoạt động của nhà trường, thường xuyên dự giờ các lớp để giúp đỡ các thầy cô và kiểm tra chất lượng học tập của học sinh.
- Cô (thầy) cũng thường quan sát chúng em chơi và hỏi thăm việc học của chúng em.
- Cô (thầy) rất vui khi thấy bạn nào học giỏi cô (thầy) đều khen thưởng, những bạn nào phạm lỗi, cô (thầy) khuyên bảo nhẹ nhàng nhưng rất nghiêm nghị.
- Cô (thầy) thường đến trường rất sớm và ra về rất muộn.

III. **Kết luận:**

- Em rất yêu mến và kính trọng cô (thầy) hiệu trưởng.
- Hình ảnh cô (thầy) luôn là hình ảnh gương mẫu trong sáng cho chúng em noi theo.

ĐỀ 3: Tả ông của em

Dàn bài:

I. **Mở bài:** Giới thiệu ông ngoại (nội) sẽ tả.

- Ông ngoại (nội) đã dành hết tình thương của mình cho con cháu.
- Mỗi khi ba mẹ đi công tác xa, ông đã thay thế và chăm sóc em thật chu đáo.

II. **Thân bài:**

1. **Tả ngoại hình:**

- Ông đã ngoài bảy mươi nhưng vẫn còn giữ được dáng dấp cao ráo, rắn rỏi.
- Màu da đậm, có nhiều chấm đồi mồi.
- Lưng hơi còng, ông vẫn đi lại nhanh nhẹn.
- Ông ăn mặc rất giản dị. Khi ở nhà hay ra phố, ông vẫn thường mặc áo sơ mi cũ nhưng thẳng nếp và cái quần dài.
- Mái tóc ông đã bạc trắng, luôn được cắt tỉa gọn gàng.
- Khuôn mặt ông không còn đầy đặn như trước. Vàng trán đã có nhiều nếp nhăn.
- Đôi mắt ông không còn tinh anh. Mỗi khi đọc sách báo hay xem truyền hình ông thường phải đeo kính.
- Đôi má hóp lại và khiến cái miệng móm mém.
- Răng ông đã rụng nhiều.
- Ông có nụ cười thật hiền và tươi tắn.
- Giọng nói của ông lúc trầm ấm, lúc cao vút đưa em lạc vào thế giới thần tiên của những câu chuyện cổ tích.

2. **Tả tính tình:**

- Tình thương của ông dành cho con cháu thật to lớn. Có những món gì ngon, có cái gì đẹp ông cũng đều nhường phần cho cả nhà.
- Đối với hàng xóm, ông sống hết lòng, sẵn sàng giúp đỡ khi có người gặp khó khăn.
- Ông ngoại (nội) em rất thích chăm sóc cây kiểng và đánh cờ tướng.
- Ông sống lạc quan, nhân hậu và lành mạnh nên ai cũng kính trọng ông.

III. **Kết luận:**

- Em luôn kính trọng và yêu thương ông.
- Em luôn tự nhắc mình phải học giỏi để ông vui lòng và sống mãi với em.

ĐỀ 4: Em hãy tả hình dáng và tính tình của ba kính yêu.

Dàn bài em viết

I. Mở bài: Giới thiệu ba của em.

- Ngoài tình thương của mẹ, ba đã nuôi dưỡng và dạy dỗ con cái bằng tấm lòng yêu thương vô bờ bến.
- Hình ảnh của ba luôn ngự trị trái tim em.

II. Thân bài:**1. Tả ngoại hình:**

- Ba em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi trông ba trẻ trung hơn nhiều.
- Thân hình ba cao lớn, vạm vỡ và khoẻ mạnh.
- Làn da nâu sẫm và bóng bẩy.
- Ở nhà ba thường mặc áo thun, quần đùi màu nhạt. Khi đến cơ quan ba chỉnh tề trong bộ đồng phục quần tây dài và áo sơ mi.
- Mái tóc cắt gọn gàng, đã bắt đầu lốm đốm bạc.
- Khuôn mặt ba xương xương nhưng vuông vức bởi quai hàm bạnh.
- Vàng trán cao rộng đã có nếp nhăn.
- Đôi mắt to tròn, đen láy và sáng ngời.
- Giọng nói đặc biệt trầm bổng, chứa đựng tình cảm thiết tha.

2. Tả tính tình:

- Ba thường xuyên đỡ đần cho mẹ trong các công việc nhà. Dây điện hay đèn đóm trong nhà bị hư chỉ cần sửa một chút là xong.
- Ba rất thích đọc báo và xem sách lúc rảnh rỗi.
- Ba rất yêu thương con cái và hiếu thảo với ông bà. Đối với hàng xóm, ba sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn.
- Ba là một người rất nhân hậu nên cả gia đình và khu phố đều yêu quý và kính trọng ba.

III. Kết luận:

- Gia đình em luôn hòa thuận và hạnh phúc, ảm no là nhờ công ba rất lớn.
- Thương ba vất vả làm việc nuôi gia đình, em tự hứa sẽ cố gắng học thật giỏi, thật ngoan để ba vui lòng.

ĐỀ 5: Em hãy tả hình dáng và tính tình của mẹ kính yêu.

Dàn bài em viết

I. Mở bài: Giới thiệu mẹ của em.

- Nhắc đến hai đấng sinh thành em không thể nào quên được mẹ.
- Mẹ đã cho em hình hài và chăm sóc từ tấm bé đến bây giờ.

II. Thân bài:**1. Tả ngoại hình:**

- Mẹ em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi.
- Tầm vóc mẹ không cao lắm, nhưng được cái vóc dáng khoẻ mạnh.
- Làn da của mẹ ngăm đen, bóng bẩy, mịn màng.
- Ở nhà cũng như đến cơ quan, mẹ luôn ăn mặc gọn gàng và giản dị.
- Mái tóc mẹ dài đen mượt luôn được búi lên cao sau gáy.
- Khuôn mặt mẹ đầy đặn, vừa sáng sủa vừa hiền hậu.
- Cái sống mũi tuy không cao nhưng nhỏ nhắn và thanh tú.
- Đôi gò má nồn nà, đôi môi đỏ thắm hé nở để lộ hàm răng trắng ngà, vừa đều vừa nhỏ.